

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – KHÁNH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 01/2026/LĐ-ST

Ngày: 23/4/2026

V/v: *Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao
động vô hiệu*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – KHÁNH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Cao Bình

2. Bà Phan Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà, tỉnh Khánh Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà, tỉnh Khánh Hoà tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà, tỉnh Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2025/TLST-LĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, thụ lý yêu cầu độc lập số 04.1/TB-TLVA ngày 07/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-LĐ ngày 25/3/2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2026/QĐST-LĐ ngày 07/4/2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: **Thôn D, xã C, tỉnh Khánh Hoà.**

(Bà **H** có mặt)

* *Bị đơn:* **Công ty TNHH T1,**

Địa chỉ: **Lô C và một phần C7, khu công nghiệp S, thôn D, xã C, tỉnh Khánh Hoà.**

Đại diện theo pháp luật: Bà **Võ Thị Mỹ L** – chức vụ Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Đỗ Quốc T**, sinh năm 1996

(Theo Giấy uỷ quyền số 792/UQ-HL-NS ngày 29/12/2025)

(Ông **T** có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: **Thôn C, xã S, tỉnh Khánh Hoà.**

(Bà **H1** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bảo hiểm xã hội tỉnh K

Địa chỉ: số E H, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trần Thị H** trình bày:

Bà **Trần Thị H** và bà **Nguyễn Thị H1** là chị em dâu, năm 2006 do bà **Nguyễn Thị H1** không có giấy tờ tùy thân, bà **Nguyễn Thị H1** đã mượn sơ yếu lý lịch và chứng minh nhân dân số 182458695 của bà **Trần Thị H** để làm hồ sơ xin việc tại công ty TNHH T1. Bà **Nguyễn Thị H1** làm việc tại công ty TNHH T1 từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 thì thôi việc. Khi làm việc tại công ty TNHH T1, bà **H1** lấy tên bà **H** và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo mã số bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH) 4108004390.

Trong cùng thời gian trên, bà **Trần Thị H** làm việc tại chi nhánh Công ty TNHH MTV R tại Khu công nghiệp S, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa từ tháng 11/2004 đến tháng 3/2023 thì kết thúc hợp đồng, bà **H** tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo mã số BHXH 4108000126.

Sau khi bà **H** đến cơ quan bảo hiểm xã hội để làm hồ sơ xin giải quyết chế độ thì phát hiện **Trần Thị H** sinh năm 1981, chứng minh nhân dân số 182458695, căn cước công dân số 040181018111 có 02 mã số BHXH, thời gian đóng BHXH bị trùng do thời gian đóng bảo hiểm của bà **H1** từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011, nên cơ quan BHXH không thể giải quyết chế độ cho bà **Trần Thị H**.

Vì vậy bà **Trần Thị H** yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà **Trần Thị H** (thực tế do bà **Nguyễn Thị H1** giao kết) với công ty TNHH T1 từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 vô hiệu để giải quyết chế độ bảo hiểm do đóng trùng mã số bảo hiểm xã hội. Bà **Trần Thị H** không có yêu cầu giải quyết quyền lợi liên quan đến hợp đồng lao động đã ký nêu trên.

Đối với số tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần là 7.808.649 đồng theo số BHXH 4108004390 bà **Nguyễn Thị H1** trình bày tự nguyện giao nộp số tiền này lại cho cơ quan Bảo hiểm xã hội thì bà **H** đồng ý, không có ý kiến gì.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH T1 - ông **Đỗ Quốc T** trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày:

Sau khi kiểm tra hồ sơ lưu trữ, Công ty TNHH T1 nhận thấy như sau: Từ tháng 10/2006, người có tên là **Trần Thị H** (sinh năm 1981; địa chỉ tại thôn D, xã C, tỉnh Khánh Hòa) có nộp hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH T1. Đến tháng 06/2011, Công ty TNHH T1 đã ban hành Quyết định số 207/2011/HL/QDCDHD ngày 14/06/2011 để chấm dứt HĐLĐ người lao động có tên là **Trần Thị H**, do bà **H** viết đơn xin thôi việc.

Công ty TNHH T1 đã đóng đầy đủ chế độ BHXH cho người có tên là **Trần Thị H** trong khoảng thời gian HĐLĐ trên có hiệu lực từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011.

Công ty TNHH T1 chỉ tìm được Quyết định trên. Ngoài ra, Công ty TNHH T1 chưa tìm được bất kỳ tài liệu nào khác có chữ ký, hình ảnh cá nhân của người lao động có tên **Trần Thị H** (như hồ sơ xin việc, HĐLĐ...) do thời gian đã quá lâu

(14 năm) và nhiều lần thay đổi văn phòng làm việc. Do số lượng hồ sơ của người lao động làm việc cho Công ty quá lớn, nên Công ty chỉ lưu trữ hồ sơ của người lao động trong thời hạn 5 năm kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ.

Nay bà H yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị H (do bà Nguyễn Thị H1 giao kết) với công ty TNHH T1 từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 vô hiệu, Công ty TNHH T1 nhận thấy chưa có đầy đủ chứng cứ cho thấy rằng bà H1 thực tế là người đã ký kết HĐLĐ và làm việc tại Công ty TNHH T1 trong khoảng thời gian từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011;

Công ty TNHH T1 yêu cầu của bà Nguyễn Thị H1 có văn bản trình bày, chứng minh quá trình làm việc tại công ty thuộc tổ đội nào, do ai phụ trách, mô tả công việc cụ thể trong khoảng thời gian từ tháng 10/2006 đến tháng 5/2011. Liên quan đến nội dung tranh chấp, Công ty TNHH T1 không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 07/4/2026, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị H1 có mượn chứng minh nhân dân và sơ yếu lý lịch của bà Trần Thị H để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH T1, có ký kết hợp đồng lao động. Bà H1 làm việc tại công ty từ tháng 10/2006 đến tháng 5/2011. Trong thời gian này Công ty TNHH T1 có đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ với mã số BHXH: 4108004390. Sau tháng 5/2011, bà H1 không còn làm việc tại Công ty TNHH T1.

Trong thời gian này bà Trần Thị H cũng đồng thời ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại mã số BHXH 4108000126, nay bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị H (do bà H1 là người thực tế làm việc) và Công ty TNHH T1 vô hiệu thì bà H1 đồng ý.

Bà H1 đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần mã số BHXH: 4108004390 từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 với số tiền 7.808.649 đồng, nay bà H1 tự nguyện xin nộp lại số tiền này cho Bảo hiểm xã hội để cơ quan bảo hiểm xã hội điều chỉnh và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H theo mã số BHXH 4108000126.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị H1 – sinh năm 1983, CCCD số 040183036616 tham gia bảo hiểm xã hội với mã số BHXH 5616631705. Khoản thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của bà H1 từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 (thời gian bị trùng) xem như chưa được giải quyết chế độ, bà H1 đề nghị Tòa án xem xét cộng gộp vào thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của Nguyễn Thị H1 mã số BHXH 5616631705.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hoà trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Trần Thị H (do bà Nguyễn Thị H1 mượn hồ sơ tư pháp giao kết) với Công ty TNHH T1 (tương ứng với thời gian tham gia BHXH, BHTN từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011), Bảo hiểm xã hội tỉnh K có ý kiến như sau: Bà Nguyễn Thị H1 mượn hồ sơ của bà Trần Thị H để giao kết hợp đồng lao động là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu. Đề nghị Tòa án xét xử

theo thẩm quyền, tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động, trả lại đúng tên người mượn, thu hồi tiền nhận trợ cấp BHXH một lần sai quy định.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị H**, tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà **Trần Thị H** (do bà **Nguyễn Thị H1** giao kết) với **Công ty TNHH T1** từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 là vô hiệu.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H1**, ghi nhận sự tự nguyện của bà **Nguyễn Thị H1** về việc nộp lại số tiền 7.808.649 đồng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần mã số BHXH: 4108004390 từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 cho **Bảo hiểm xã hội tỉnh K**.

Đối với khoảng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại sổ bảo hiểm xã hội số 4108004390 từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 thì **C** thực hiện điều chỉnh tên **Trần Thị H** thành **Nguyễn Thị H1** và tiến hành gộp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội này vào sổ bảo hiểm xã hội số 5616631705 cấp cho bà **Nguyễn Thị H1**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:* Người lao động bà **Trần Thị H** khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Trần Thị H** và **Công ty TNHH T1**, địa chỉ: **Lô C** và một phần **C7**, **khu công nghiệp S**, **thôn D**, **xã C**, **tỉnh Khánh Hoà** là vô hiệu, tranh chấp về lao động này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà theo quy định tại Điều 32 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H1**, Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hoà có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị H** đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà **Trần Thị H** (do bà **Nguyễn Thị H1** giao kết) với **Công ty TNHH T1** là vô hiệu:

Các đương sự không cung cấp được Hợp đồng lao động đã ký kết giữa bà **Trần Thị H** (do bà **Nguyễn Thị H1** giao kết) với **Công ty TNHH T1**, tuy nhiên căn cứ sự thừa nhận của các đương sự, quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động của **Công ty TNHH T1**, quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo mã số BHXH

4108004390, Hội đồng xét xử xác định có tồn tại Hợp đồng lao động giữa bà **Trần Thị H** với **Công ty TNHH T1**, quan hệ lao động tồn tại từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 tương ứng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội.

Căn cứ công văn số 1087/BHXH-QLT ngày 29/12/2025 của **Bảo hiểm xã hội tỉnh K**, kèm theo bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHTN) xác định:

Bà **Trần Thị H**, chứng minh nhân dân số 182458695 mã số BHXH **4108004390**, tham gia BHXH, BHTN từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 tại **công ty TNHH T1**.

Bà **Trần Thị H**, căn cước công dân số 040181018111 mã số BHXH **4108000126**, tham gia BHXH, BHTN từ tháng 11/2004 đến tháng 3/2023 tại chi nhánh **Công ty TNHH MTV R** tại **Khu công nghiệp S**.

Trong cùng một khoản thời gian từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 bà **Trần Thị H** tham gia bảo hiểm xã hội với hai mã số BHXH khác nhau là **4108004390** và **4108000126**. Do đó, có đủ cơ sở xác định lời trình bày của bà **Trần Thị H**, bà **Nguyễn Thị H1** về việc bà **Trần Thị H** cho bà **Nguyễn Thị H1** mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với **Công ty TNHH T1** là phù hợp. Đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại **Công ty TNHH T1** là bà **Nguyễn Thị H1** chứ không phải là bà **Trần Thị H**. Bà **Nguyễn Thị H1** đã vi phạm nguyên tắc, nghĩa vụ của người lao động quy định tại Điều 7, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ, đồng thời vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động trung thực và nghĩa vụ cung cấp thông tin trung thực quy định tại Điều 15, 16 Bộ luật lao động năm 2019; **Công ty TNHH T1** chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 7, Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ khi sử dụng người lao động không đúng đối tượng lao động. Đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu căn cứ Điều 122, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019, do đó bà **Trần Thị H** yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động đã ký giữa bà **Trần Thị H** (do bà **Nguyễn Thị H1** trực tiếp giao kết) với **Công ty TNHH T1** là phù hợp quy định pháp luật và cần được chấp nhận.

Công ty TNHH T1, bà **Trần Thị H** và bà **Nguyễn Thị H1** không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động được ký và hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên không xem xét.

[2.2] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H1** và giải quyết quá trình tham gia bảo hiểm xã hội bị đóng trùng:

Bà **Nguyễn Thị H1** thống nhất để bà **Trần Thị H** được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà **H** tại sổ bảo hiểm xã hội số **4108000126** với tên **Trần Thị H**.

Bà **Nguyễn Thị H1** là người thực tế tham gia bảo hiểm xã hội tại sổ bảo hiểm xã hội số **4108004390** với tên **Trần Thị H** từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011. Bà **Trần Thị H** (do bà **Nguyễn Thị H1** trực tiếp nhận) đã hưởng trợ cấp BHXH một lần theo Quyết định 426/QĐ-BHXH ngày 11/6/2012 của **BHXH huyện**

C (nay được bàn giao về BHXH **cơ sở C1**) với số tiền 7.808.649 đồng. Bà **H1** nhận thức được rằng việc nhận trợ cấp này là sai quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **H1** về việc tự nguyện nộp lại số tiền này cho cơ quan Bảo hiểm xã hội, do đó, buộc bà **Nguyễn Thị H1** phải nộp lại trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần số tiền là 7.808.649 đồng cho **Bảo hiểm xã hội tỉnh K**.

Đối với khoảng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại sổ bảo hiểm xã hội số **4108004390** với tên **Trần Thị H** từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 thì **C** thực hiện điều chỉnh tên **Trần Thị H** thành **Nguyễn Thị H1** và tiến hành gộp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội này vào sổ bảo hiểm xã hội số **5616631705** cấp cho bà **Nguyễn Thị H1** – sinh ngày 10/11/1983, căn cước công dân số 040183036616.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà tại phiên toà là phù hợp nên chấp nhận.

[4] *Về án phí:*

Nguyên đơn bà **Trần Thị H** tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà **Nguyễn Thị H1** tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 32; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 122, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002; Căn cứ Điều 15, 16, 49 Bộ luật Lao động năm 2019; Căn cứ Điều 10, 11, 12, 13, 17, 18 của Luật Bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị H**:

Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà **Trần Thị H** (do bà **Nguyễn Thị H1** giao kết) với **Công ty TNHH T1** từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 là vô hiệu toàn bộ.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H1**:

Về giải quyết quá trình tham gia bảo hiểm bị đóng trùng khoảng thời gian từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 giữa sổ bảo hiểm xã hội số **4108004390** và sổ bảo hiểm xã hội số **4108000126**:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H1 nộp lại trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo Quyết định 426/QĐ-BHXH ngày 11/6/2012 của BHXH huyện C (nay được bàn giao về BHXH cơ sở C1) số tiền là 7.808.649 đồng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh K.

Bảo hiểm xã hội tỉnh K thực hiện điều chỉnh tên Trần Thị H tại sổ bảo hiểm xã hội số 4108004390 thành tên Nguyễn Thị H1 đối với khoảng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011; thực hiện gộp quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại sổ bảo hiểm xã hội số 4108004390 từ tháng 10/2006 đến tháng 05/2011 vào sổ bảo hiểm xã hội số 5616631705 cấp cho bà Nguyễn Thị H1 – sinh ngày 10/11/1983, căn cước công dân số 040183036616.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004003 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002590 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát ND khu vực 2 – Khánh Hoà;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà;
- Đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Trúc

